

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 119 /SKHCN-VP
V/v tham gia ý kiến Dự thảo Đề án phát
triển KH&CN tỉnh Quảng Trị giai đoạn
2021 – 2030.

Quảng Trị, ngày 22 tháng 02 năm 2022

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Nhằm tham mưu cho Lãnh đạo tỉnh định hướng chỉ đạo, điều hành hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030 gắn với thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành KH&CN đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng góp phần phát triển kinh tế; đồng thời cung cấp các luận cứ khoa học làm cơ sở để xây dựng, hoàn thiện Quy hoạch phát triển KT-XH tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng và tổ chức Hội thảo lấy ý kiến góp ý Dự thảo Đề án phát triển KH&CN tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2030.

Để tiếp tục hoàn chỉnh, trình UBND tỉnh ban hành Đề án phát triển KH&CN tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021- 2030, Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị Quý đơn vị góp ý dự thảo Đề án (*đính kèm*) và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 28/02/2022, đồng thời gửi bản mềm vào hộp thư homyanh@quangtri.gov.vn.

Sở Khoa học và Công nghệ rất mong được sự quan tâm, phối hợp của quý cơ quan, đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Thắng

ĐỀ ÁN

PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2021

của UBND tỉnh Quảng Trị

1. Sự cần thiết phải xây dựng Đề án phát triển Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST) tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021–2030

Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về “Phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” đã nêu: “*Phát triển và ứng dụng KH&CN là quốc sách hàng đầu, là một trong những động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; là một nội dung cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước trong hoạt động của các ngành, các cấp*”. KH&CN được xác định là lĩnh vực then chốt, là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thể hiện rõ trong Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020. Ngoài ra, đổi mới sáng tạo (ĐMST) đã và đang nhận được sự chỉ đạo quyết liệt của Đảng, Nhà nước, sự vào cuộc tích cực của các Bộ, ngành, địa phương góp phần giúp hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST tại Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ, với sự quyết tâm cao trong nội dung Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”.

Hoạt động KH&CN tỉnh Quảng Trị trong giai đoạn 2011-2020 đã đạt được nhiều kết quả tích cực, thực hiện có kết quả bước đầu Nghị quyết 08/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh về phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015 – 2020. Tiềm lực KH&CN của tỉnh được tăng cường, góp phần hỗ trợ nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực KH&CN chất lượng cao. Các tổ chức KH&CN công lập được tổ chức, sắp xếp lại và đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị theo hướng tinh gọn, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động KH&CN của tỉnh nhà. Việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ đã được tiến hành triển khai thực hiện đạt nhiều kết quả tích cực. Các nhiệm vụ KH&CN các cấp đã bám sát mục tiêu phát triển KT-XH của tỉnh, phục vụ hiệu quả quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa. Các nhiệm vụ khoa học xã hội và nhân văn đã cung cấp luận cứ khoa học phục vụ định hướng phát triển KT-XH của từng ngành, lĩnh vực, góp phần nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế của tỉnh. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng đã làm chủ và chuyển giao thành công nhiều công nghệ tiên tiến, hiện đại vào sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân.

Tuy nhiên, nhìn chung hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vẫn còn nhiều mặt hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu là nền tảng và động lực phát triển KT-XH của địa phương. Nhiều mục tiêu cụ thể trong Nghị quyết 08/NQ-HĐND chưa thực hiện được hoặc đạt được kết quả chưa cao. Đầu tư nâng cao tiềm lực KH&CN chưa đáp ứng nhu cầu thực tế. Đặc biệt, là chưa tập trung nguồn lực để nghiên cứu những vấn đề có tính đột phá để khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Hệ thống văn bản các quy định về quản lý hoạt động KH&CN tuy đã có đổi mới, song còn bất cập, chưa đồng bộ. Kết quả nghiên cứu KH&CN chưa được ứng dụng nhiều vào thực tiễn sản xuất và đời sống.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XVII trong bối cảnh đang diễn ra cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0). Sức mạnh của mỗi quốc gia, mỗi địa phương tùy thuộc phần lớn vào năng lực KHCN&ĐMST. Lợi thế về nguồn tài nguyên thiên nhiên, giá lao động rẻ ngày càng trở nên ít quan trọng hơn. Vai trò của nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, có năng lực sáng tạo ngày càng có ý nghĩa quyết định trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế. Xu thế mới đang chi phối tất cả các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Đối với ngành KH&CN tỉnh Quảng Trị cũng không nằm ngoại lệ với bối cảnh và xu hướng phát triển đã nêu trên. Bởi vậy, đòi hỏi tỉnh cần phải có các chủ trương, cơ chế chính sách đầu tư về phát triển KH&CN phù hợp, nhằm nắm bắt các cơ hội và dựa vào thế mạnh sẵn có của địa phương, để định hướng phát triển ngành KH&CN một cách có hiệu quả, thiết thực.

Với phương pháp luận là thông qua việc đánh giá đúng thực trạng ngành KH&CN của tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2011-2020 để làm cơ sở thực tiễn vững chắc và nhận định chính xác xu hướng phát triển nền kinh tế thế giới, khu vực và xu thế phát triển KT-XH của đất nước và đặc biệt là dựa trên nền tảng của điều kiện tự nhiên, nguồn lực sẵn có của địa phương để định hướng chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST tỉnh Quảng Trị trong giai đoạn 2011-2030 một cách phù hợp là nhiệm vụ hết sức quan trọng và rất cần thiết.

Đề án có nhiệm vụ định hướng và xác định cụ thể các chương trình, nhiệm vụ chủ yếu cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh, để ngành KH&CN tiếp tục tạo bước đột phá, góp phần thực hiện có hiệu quả các mục tiêu phát triển KT-XH của tỉnh đã đề ra trong giai đoạn 2021-2030.

2. Các căn cứ pháp lý

2.1. Văn bản về phát triển KH,CN&ĐMST của Đảng, nhà nước ta

- Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;
- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13, ngày 18/6/2013;
- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công

nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XIII;
- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị quyết số 58- NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Quảng Trị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển KH&CN;
- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&CN.
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;
- Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường và chất lượng sản phẩm hàng hóa;
- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
- Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;
- Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 về doanh nghiệp KH&CN;
- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.
- Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg, ngày 19/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao”;
- Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Thủ tướng chính phủ về việc “Quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao”;
- Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030;

- Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 09/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc;
- Quyết định số 696/QĐ-TTg ngày 25/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;
- Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030;
- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Thông tư 15/2014/TT-BKHCN ngày 13/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;
- Thông tư số 03/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ, quy định về việc ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành khoa học và công nghệ, thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê quốc gia về KH&CN;
- Thông tư số 04/2018/TT-BNNPTNT ngày 03/05/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp;
- Thông tư 17/2019/TT-BKHCN ngày 10/12/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ, quy định về đánh giá trình độ và năng lực công nghệ;
- Thông tư số 18/2019/TT-BKHCN ngày 10/12/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đánh giá hoạt động và chất lượng dịch vụ của tổ chức sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học và công nghệ;
- Thông tư số 27/2019/TT-BKHCN ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chi tiết thi hành một số Điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP của Chính phủ về Giải thưởng chất lượng quốc gia;
- Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11/6/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;
- Thông tư số 35/2021/TT-BTC Quy định cơ chế tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030.

2.2. Văn bản của tỉnh về phát triển KH, CN & ĐMST

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVII;

- Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/4/2017 của Tỉnh ủy Quảng Trị về đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020, định hướng đến 2025;

- Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Chương trình hành động số 64-CTHĐ/TU ngày 13/5/2013 của BCH Đảng bộ tỉnh khóa XV về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của BCH TW Đảng về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Kế hoạch số 190-KH/TU ngày 12/8/2020 của BTV Tỉnh ủy và Kế hoạch số 5807/KH-UBND ngày 17/12/2020 của UBND tỉnh “Về việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư”;

- Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ phát triển một số cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022 - 2026 gồm: lúa chất lượng cao, hồ tiêu, cà phê, cây ăn quả, dược liệu, gỗ nguyên liệu, con bò và con tôm.

- Nghị quyết số 163/QĐ-HĐND ngày 27/12/2021 của HĐND tỉnh về việc ban hành Chính sách hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ giai đoạn 2021-2026;

- Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 20/7/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về Kế hoạch triển khai Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 11/6/2020 Chỉ thị về tăng cường công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh “Về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;

- Quyết định số 1583/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 về Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của BCH Đảng bộ tỉnh khóa XV thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của BCH TW Đảng về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế.

- Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 11/7/2018 của UBND tỉnh về việc Tổ chức thực hiện Nghị quyết số 31/QĐ-HĐND ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Chính sách hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ giai đoạn 2027-2025;

- Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của UBND tỉnh Về việc phê

duyet Đề án “Ứng dụng chế phẩm vi sinh vật trong sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”.

- Kế hoạch số 1870/KH-UBND ngày 28/4/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của tỉnh Quảng Trị”;

- Kế hoạch số 5883/KH-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị thực hiện Đề án “Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025 định hướng năm 2030;

- Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 24/6/2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án đổi mới phương thức kinh doanh, tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Phần thứ nhất

THỰC TRẠNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2011- 2020

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Tiềm lực Khoa học và Công nghệ

1.1 Tổ chức Khoa học và Công nghệ

Tính đến ngày 31/12/2020, trên địa bàn tỉnh có 17 tổ chức KH&CN trực thuộc quản lý của UBND tỉnh đã đăng ký và được cấp chứng nhận tổ chức KH&CN. Bao gồm 11 (11/17) tổ chức KH&CN công lập, 04 tổ chức KHCN ngoài công lập, 02 tổ chức KHCN thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan trung ương, 03 doanh nghiệp KHCN.

Tổ chức KH&CN đã có những đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành KH&CN Quảng Trị, góp phần đáp ứng yêu cầu công tác nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới phục vụ sản xuất ở từng lĩnh vực và địa phương trong tỉnh.

Tuy nhiên, số tổ chức dịch vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị chưa phát triển về cả số lượng cũng như chất lượng. Kinh phí đầu tư chủ yếu sử dụng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước; không có tổ chức dịch vụ KH&CN có vốn đầu tư nước ngoài, điều này cho thấy thực trạng năng lực công nghệ và sự hợp tác quốc tế của các tổ chức dịch vụ KH&CN còn hạn chế.

1.2. Nguồn nhân lực Khoa học và công nghệ

Hiện nay, tỷ lệ lao động có trình độ đại học trở lên của tỉnh là 13.584 người, đạt 3,5% trên tổng số lao động (Mục tiêu của Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh về phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015-2020 là 7,5%). Nguồn nhân lực KH&CN trình độ cao trong các tổ chức

ngiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có 933 người (có trình độ đại học trở lên). Phần lớn đội ngũ này có kỹ năng nghề nghiệp tốt, là lực lượng nòng cốt trong các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống. Đội ngũ chuyên gia KH&CN có 110 người ở các ngành, lĩnh vực chủ yếu của tỉnh.

1.3. Trang thiết bị của các tổ chức KH&CN trên địa bàn

Việc đầu tư hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị công nghệ của các tổ chức KH&CN đã được cải thiện nhiều so với giai đoạn 2001-2010, đặc biệt là các tổ chức KH&CN công lập. Hệ thống phòng thử nghiệm đủ điều kiện được công nhận VILAS hoặc đạt tiêu chuẩn phòng thí nghiệm chuyên ngành theo qui định. Nhiều ngành đã chú trọng đầu tư xây dựng phòng thử nghiệm được đánh giá phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025, LAS-XD 81 cơ bản đáp ứng được nhiệm vụ quản lý nhà nước và nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học, nhằm cải tiến và nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa cho doanh nghiệp và người dân.

Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, sản xuất, ứng dụng công nghệ cao được từng bước đầu tư, nâng cấp. Các Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh; Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN tỉnh; Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Lâm nghiệp Bắc Trung Bộ; Trung tâm Quy hoạch kiểm định xây dựng; Trường Cao đẳng Kỹ thuật Quảng Trị đã xây dựng hệ thống các phòng nuôi cây mô nhân giống và lưu giữ nguồn gen; nhà lưới, nhà kính tự động điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm nuôi trồng các loại cây trồng có giá trị; trang thiết bị nghiên cứu sản xuất chế phẩm sinh học, sản phẩm chế biến dược liệu; trang thiết bị kiểm nghiệm chất lượng hàng hóa và kiểm định các thiết bị đo lường.

1.4. Năng lực và trình độ công nghệ của các doanh nghiệp trên địa bàn

Nhìn chung việc đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp của tỉnh được chú trọng, một số doanh nghiệp đã đầu tư nguồn lực để đổi mới công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Tuy nhiên với hầu hết là doanh nghiệp vừa và nhỏ, việc đổi mới quy trình công nghệ, ứng dụng các công nghệ cao, công nghệ tiên tiến vào sản xuất, quản lý, kinh doanh còn hạn chế. Chủ yếu các doanh nghiệp ứng dụng các công cụ quản lý chất lượng ISO, áp dụng chương trình sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu hàng hóa để nâng cao năng suất và sức cạnh tranh của sản phẩm. Trình độ công nghệ, thiết bị của đa số các đơn vị sản xuất trong tỉnh vẫn ở mức trung bình, một số ít doanh nghiệp dây chuyền còn thiếu đồng bộ, gây ảnh hưởng nhất định đến việc tổ chức sản xuất. Nguyên nhân chủ yếu là do thiếu vốn để đầu tư đổi mới máy móc, công nghệ. Mặt khác, là trình độ chuyên môn của đội ngũ công nhân trực tiếp sản xuất ở các doanh nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu sử dụng thành thạo máy móc, thiết bị, công nghệ mới tiên tiến, hiện đại.

1.5. Kinh phí đầu tư cho hoạt động KH&CN

Nguồn kinh phí đầu tư cho phát triển KH&CN khá hạn chế. Chủ yếu là từ ngân sách nhà nước. Trong đó, tổng kinh phí SNKH thực hiện giai đoạn 2011-2020 là

153,474 tỷ đồng (năm 2020 là 20,070 tỷ đồng, gần gấp 02 lần so với năm 2010: 10,578 tỷ đồng). Nguồn SNKH đã được sử dụng để: (1) thực hiện đề tài/dự án KH&CN là 53,912 tỷ đồng; (2) để Quản lý KH&CN, hoạt động sự nghiệp (kể cả chi hành chính và lương) là 98,562 tỷ đồng; (3) thực hiện chính sách theo NQ 31/NQ-HĐND về Chính sách ứng dụng nhân rộng các kết quả KH&CN hơn 04 tỷ đồng.

Kinh phí đầu tư xây dựng tiềm lực KH&CN là 18,430 tỷ đồng, đã đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị nghiên cứu, phòng thí nghiệm cho các tổ chức KH&CN công lập của tỉnh (Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh và Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Thông tin KH&CN thuộc Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị);

Quỹ Phát triển KH&CN tỉnh có số dư đến nay là 3,5 tỷ đồng. Trong đó số dự án được thẩm định cho vay vốn từ Quỹ phát triển KH&CN trong giai đoạn này là 09 dự án. Có 01 doanh nghiệp trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (Công ty TNHH MTV cấp nước sinh hoạt tỉnh Quảng Trị).

2. Kết quả hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN giai đoạn 2011-2020

2.1. Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn

Công tác triển khai các nhiệm vụ KH&CN trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn trên địa bàn tỉnh đạt được nhiều kết quả quan trọng, phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương.

Trong lĩnh vực xã hội: Các đề tài đã phục vụ có hiệu quả công tác xây dựng, cung cấp các luận cứ khoa học cho các Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh và các ngành, lĩnh vực, địa phương, làm cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc hoạch định các chủ trương, chính sách lớn của tỉnh.

Lĩnh vực nhân văn: Các nhiệm vụ tập trung nghiên cứu về lịch sử, văn hóa... làm cơ sở cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh lãnh đạo và hoạch định đường lối, chính sách phục vụ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quốc phòng - an ninh trong tình hình mới. Các nghiên cứu khảo cổ đã làm cơ sở phục vụ cho việc xây dựng đề án quy hoạch, đầu tư, tôn tạo di tích, giúp cho việc bảo tồn, khai thác và phát huy các giá trị di tích, góp phần vào việc lưu giữ, phát huy và giáo dục truyền thống của quê hương, đất nước.

2.2. Lĩnh vực khoa học tự nhiên

Các nhiệm vụ điều tra cơ bản về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và môi trường đã cung cấp nhiều thông tin, cơ sở dữ liệu quan trọng cho việc xây dựng, phê duyệt, tổ chức thực hiện các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Kết quả các đề tài điều tra cơ bản phục vụ cho việc quy hoạch, khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên rừng, khoáng sản, khí tượng, thủy văn, ứng phó với biến đổi khí hậu.

2.3. Lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ

Khoa học kỹ thuật và công nghệ trên địa bàn đã có chuyển biến tích cực, thúc đẩy ứng dụng và đổi mới công nghệ trong các ngành, lĩnh vực kinh tế, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Về công nghệ sinh học đã tiến hành nghiên cứu, tiếp nhận, hoàn thiện quy trình công nghệ, ứng dụng công nghệ tế bào để bảo tồn, lưu giữ, phát triển và sản xuất các loại cây lâm nghiệp, cây hoa và cây dược liệu có giá trị kinh tế cao như: Các dòng keo lai; cây Ba kích, lan Kim tuyến, lan Giả hạc; các giống hoa lan Hồ điệp, hoa Chuông, hoa Cúc, hoa Đồng tiền,...nghiên cứu, phân lập, chọn lọc, lưu giữ, hoàn thiện quy trình công nghệ, sản xuất thử nghiệm và sản xuất thành công nhiều loại các loại chế phẩm vi sinh vật phục vụ sản xuất nông nghiệp và xử lý chất thải, bảo vệ môi trường như: Chế phẩm xử lý chất thải, ủ phân hữu cơ vi sinh (Compo - QTMIC); Chế phẩm làm đệm lót sinh học trong chăn nuôi (Bio - QTMIC); Chế phẩm xử lý ao nuôi thủy sản (Nitro - QTMIC); Chế phẩm bổ sung thức ăn chăn nuôi (Pro - QTMIC), chế phẩm EM, chế phẩm nấm đối kháng *Trichoderma* và *Pseudomonas*; công nghệ để chẩn đoán bệnh cây trồng, vật nuôi bằng phương pháp PCR.

- Về công nghệ chế biến nông, lâm, thủy hải sản. Các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới để chế biến nông, lâm, thủy sản được áp dụng khá rộng rãi. Đã có nhiều doanh nghiệp, cơ sở sản xuất ứng dụng công nghệ tiên tiến để chế biến sâu các sản phẩm nông sản thành hàng hóa có giá trị gia tăng cao, được đăng ký nhãn hiệu chứng nhận, thương hiệu và đã thương mại hóa, lưu thông trên thị trường trong và ngoài nước. Công nghiệp chế biến gỗ khá phát triển, hiện nay, trên địa bàn tỉnh có khoảng 115 doanh nghiệp, cơ sở hoạt động trong lĩnh vực chế biến gỗ có đăng ký hoạt động, chủ yếu là gỗ MDF, ván ghép thanh, mộc mỹ nghệ, viên nén và dăm gỗ.

- Công nghệ cơ khí, tự động hóa đã chú trọng ứng dụng các loại máy móc, thiết bị cơ giới phục vụ một số khâu trong sản xuất nông nghiệp, bảo quản và chế biến lương thực, thực phẩm, chế biến thức ăn gia súc; đổi mới công nghệ theo hướng cơ giới hóa và tự động hóa trong quá trình điều khiển sản xuất. Đổi mới công nghệ theo hướng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp như máy gặt đập liên hợp, máy đánh luống, máy cuộn rơm và nhiều sáng chế máy thu hoạch khác đã được đưa vào ứng dụng rộng rãi; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tự động hóa trong quá trình điều khiển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp làng nghề truyền thống như máy chế biến bún bánh, tinh bột sắn, nghệ, máy điêu khắc gỗ mỹ nghệ; đồng thời chú trọng lựa chọn công nghệ mới, mua sắm trang thiết bị định lượng đo lường, kiểm tra chất lượng trong các ngành công nghiệp có thế mạnh của tỉnh.

- Công nghệ vật liệu xây dựng và năng lượng mới, tập trung nghiên cứu vật liệu silicat, bê tông nhựa tổng hợp; về năng lượng tái tạo đã triển khai nghiên cứu, khảo sát, lắp đặt thiết bị và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về điều kiện đầu vào để xây dựng các dự án khai thác năng lượng tái tạo, cụ thể: Về thủy điện tính đến nay, toàn tỉnh có 15 dự án thủy điện được quy hoạch và bổ sung quy hoạch, với tổng công suất 250,5MW, trong đó có 10 dự án với tổng công suất 167,5 MW đã đưa vào vận hành. Về điện gió, đến nay đã có 17 dự án đã được Bộ Công Thương phê duyệt quy hoạch với tổng công

suất 608MW. Các dự án đã hoàn thành đi vào hoạt động, gồm 02 dự án với tổng công suất 60MW (mỗi dự án 30MW). Về điện mặt trời, trên địa bàn có 03 dự án điện mặt trời đã được Bộ Công Thương phê duyệt bổ sung quy hoạch với tổng công suất 149,5MWp. Bên cạnh đó, có 14 dự án điện mặt trời đã trình Bộ Công Thương xem xét bổ sung quy hoạch với tổng công suất 1.293,02MWp, 05 dự án đang lập hồ sơ bổ sung quy hoạch với quy mô công suất khoảng 310,10MWp. Đến nay có 02 dự án đã đi vào khai thác hòa lưới điện. Như vậy khả năng phát triển điện mặt trời tại Quảng Trị là 22 DA với tổng công suất 1.750MWp.

- Về ứng dụng KH&CN trong lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh đạt nhiều kết quả quan trọng. Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh bước đầu được quan tâm triển khai thực hiện. Kinh tế số bước đầu đóng góp vào sự phát triển kinh tế của tỉnh; công nghệ số đang được ứng dụng trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp, y tế, giáo dục và dịch vụ; xuất hiện nhiều hình thức kinh doanh, dịch vụ mới, dựa trên nền tảng công nghệ số và internet. Theo Báo cáo VietNam ICT index 2020, chỉ số hạ tầng kỹ thuật tỉnh hiện xếp vị trí 32/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (tăng 15 bậc so với năm 2019). Tỷ lệ máy tính các cơ quan nhà nước có kết nối internet ước đạt trên 95%. 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện, trên 70% UBND xã có mạng nội bộ LAN kết nối internet qua các đường truyền tốc độ cao. Tỷ lệ cơ quan nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện có kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng đạt 100%. 100% các sở, ban ngành và địa phương đã được cấp chữ ký số chuyên dùng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành qua mạng; Hệ thống Văn phòng điện tử và hệ thống Một cửa điện tử được triển khai đồng bộ đến tận 100% các Sở, ban ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh. Cùng với Cổng thông tin điện tử, cổng dịch vụ công trực tuyến đã được triển khai và đã cung cấp 60% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Mạng internet băng rộng cố định đã triển khai cung cấp dịch vụ tới trung tâm 125/125 xã, phường, thị trấn. Tổng số thuê bao internet toàn tỉnh đạt 84.843 thuê bao, đạt mật độ 13,3 thuê bao/100 dân. Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh đã được triển khai tích hợp 11 dịch vụ.

2.4. Khoa học và công nghệ trong các ngành:

- Trong ngành Nông - Lâm - Ngư nghiệp

Ngành nông nghiệp của tỉnh Quảng Trị đã tập trung nghiên cứu khảo nghiệm nhiều loại giống mới, nhằm chọn lọc các giống cây trồng, con nuôi có năng suất và chất lượng cao đưa vào bộ giống chủ lực của tỉnh như: giống lúa, cà phê, cây dược liệu, cây ăn quả, các giống thủy sản, con nuôi đặc sản khác.

Một số nhiệm vụ KH&CN đã triển khai nhiều mô hình nghiên cứu ứng dụng các quy trình sản xuất theo hướng hữu cơ để tạo ra hàng hóa sản phẩm chất lượng tốt, nâng cao hiệu quả kinh tế, đến nay toàn tỉnh đã triển khai được 250 ha lúa (trong 02 vụ); đặc biệt đã ký kết với Tập đoàn Nafoods để triển khai vùng sản xuất cây Chanh leo phục vụ xuất khẩu tại các huyện Hướng Hóa, Vĩnh Linh với quy mô hơn 100 ha; thành lập các hợp tác xã sản xuất hồ tiêu theo hướng hữu cơ tại các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh và Cam Lộ.

Trong đó đi sâu nghiên cứu ứng dụng tiên bộ KH&CN để phát triển “6 cây, 2 con” chủ lực của tỉnh và một số cây trồng, con nuôi mới có tiềm năng, triển vọng phát triển theo hướng bền vững thông qua tuyển chọn bộ giống có chất lượng, xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa, liên kết trong sản xuất, nhằm tạo ra sản phẩm bảo đảm an toàn thực phẩm và có giá trị kinh tế cao.

- Trong ngành công nghiệp, thương mại, dịch vụ

Ngành công nghiệp của tỉnh đã bước đầu khai thác các lợi thế của địa phương và đóng góp lớn vào tăng trưởng của tỉnh, một số sản phẩm công nghiệp có quy mô khá, có thị trường ổn định và giải quyết việc làm cho nhiều lao động như: Sản xuất điện, khai thác và chế biến chế biến nông lâm sản (gỗ...), sản xuất VLXD. Với mức tăng trưởng ngày càng cao, ngành công nghiệp sản xuất năng lượng điện tái tạo (điện mặt trời, điện gió, thủy điện) đã phát triển mạnh.

Về công nghiệp: Trình độ sản xuất công nghiệp của tỉnh đã chuyển dần sang các dây chuyền sản xuất có trình độ công nghệ cao hơn, mức độ tinh chế các sản phẩm công nghiệp dần được cải thiện để phục vụ xuất khẩu. Một số nhà máy lớn đã và đang chuẩn bị đưa vào hoạt động sản xuất có công nghệ khá đáp ứng được yêu cầu cao của khách hàng và tính cạnh tranh ngày càng cao của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp khác, ngoài một số thiết bị công nghệ chuyên dùng thuộc thể hệ mới, nói chung trình độ công nghệ, thiết bị của đa số các đơn vị sản xuất vẫn ở mức trung bình, một số ít doanh nghiệp dây chuyền còn thiếu đồng bộ, gây ảnh hưởng nhất định đến năng suất và chất lượng sản phẩm. Tại các khu, cụm công nghiệp, công nghệ của các doanh nghiệp đạt mức khá là chủ yếu, tỷ lệ trình độ công nghệ tiên tiến chưa cao, nhất là trong các doanh nghiệp trong các cụm công nghiệp.

+ *Về thương mại - dịch vụ:* Công tác hỗ trợ xây dựng và phát triển thương hiệu đạt nhiều kết quả quan trọng. Đã tăng cường xây dựng thương hiệu các sản phẩm hàng hóa chủ lực, sản phẩm đặc sản truyền thống của tỉnh; Thiết kế, đăng ký bảo hộ, khai thác và phát triển giá trị nhãn hiệu, thương hiệu, nhãn hiệu tập thể, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế; doanh nghiệp, cá nhân quan tâm đầu tư, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế, tham gia các giải thưởng chất lượng. Đã triển khai có hiệu quả các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh ứng dụng thương mại điện tử.

- Trong ngành Xây dựng- Giao thông vận tải

+ *Ngành Xây dựng,* đã có nhiều ứng dụng đổi mới công nghệ trong thiết kế, thi công nhà dân dụng và công nghiệp, nhà cao tầng, các công trình về hạ tầng kỹ thuật và các công trình đặc biệt khác. Nhiều nghiên cứu ứng dụng KH&CN đã được thực hiện trong các lĩnh vực nền móng, trắc địa công trình; gia cố nền đất yếu, cọc, hồ đào; công trình ngầm; phòng chống cháy, động đất, gió bão cho nhà và công trình,... Ứng dụng và nhân rộng các tiến bộ KH&CN trong lĩnh vực thiết kế, thi công công trình, quy hoạch, kiến trúc, lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng...

+ *Ngành giao thông vận tải* đã tập trung vào nghiên cứu lựa chọn, sử dụng các

giải pháp cải tiến chất lượng thi công các công trình giao thông nông thôn và các công trình giao thông khác trên địa bàn tỉnh. Nổi bật là đã triển khai ứng dụng và nhân rộng kết quả thiết kế thành phần bê tông nhựa và hàm lượng nhựa trong bê tông nhựa để hạn chế, khắc phục tình trạng hằn lún vệt bánh xe, tiết kiệm chi phí đầu tư trong quá trình thẩm định, thi công các công trình giao thông trên địa bàn.

Dịch vụ logistics tại tỉnh Quảng Trị được cung cấp bởi mạng lưới đường bộ, đường sắt Bắc Nam và cảng biển tại Cửa Việt. Hoạt động logistics giúp đưa Quảng Trị hòa nhập vào mạng lưới thương mại và sản xuất của khu vực và quốc tế.

- Trong ngành Tài nguyên và môi trường

Các nhiệm vụ KH&CN đã tập trung nghiên cứu để đánh giá thực trạng môi trường, xây dựng các mô hình chỉ thị môi trường, ứng dụng công nghệ sinh học để xử lý các nguồn chất thải, nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường như: mô hình xử lý chất thải y tế, xử lý các kho hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật cũ; cải tạo nguồn nước thải tại các khu làng nghề; xử lý mùi hôi các bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt; áp dụng quy trình xử lý chất thải các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh,...

- Trong ngành Y tế

Hoạt động KH&CN trong ngành y tế đã có bước phát triển, ngành đã triển khai nhiều hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động của ngành. Đưa vào sử dụng các trang thiết bị sử dụng công nghệ hiện đại, nhiều kỹ thuật mới, tiến bộ vào công tác khám chữa bệnh, công tác y tế dự phòng. Các đơn vị trong ngành y tế đã tích cực ứng dụng kết quả nghiên cứu để nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân.

- Trong ngành Giáo dục – đào tạo

Ứng dụng KH&CN trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo đã góp phần quan trọng thực hiện có hiệu quả chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Mỗi năm, ngành giáo dục - đào tạo đã triển khai gần 1.500 đề tài khoa học, sáng kiến kinh nghiệm được Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp ngành và cấp huyện công nhận. Nhiều cán bộ, giáo viên có bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước.

- Trong ngành Văn hóa, thể thao, du lịch

+ Lĩnh vực văn hóa: Ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các khâu tác nghiệp trong hoạt động Thư viện. Trong hoạt động quản lý di sản văn hóa: đã sử dụng phần mềm quản lý hiện vật, di vật cổ vật, bảo vật quốc gia, quản lý phim ảnh... giúp quản lý thông tin về hiện vật (gồm các thông tin như tên hiện vật, chất liệu, số lượng, niên đại, tóm tắt nội dung hiện vật, số hiệu hiện vật, ảnh về hiện vật...);

+ Lĩnh vực thể thao: Đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, đào tạo huấn luyện vận động viên và những người tham gia hoạt động thể dục, thể thao, góp phần nâng cao hiệu quả công tác huấn luyện, cũng như thành tích

thi đấu của vận động viên; ứng dụng công nghệ y sinh học hiện đại phục vụ công tác tuyển chọn, đào tạo vận động viên các môn thể thao thành tích cao, hồi phục chức năng, điều trị chấn thương trong tập luyện và thi đấu.

+ *Lĩnh vực du lịch*: Đã xây dựng hệ thống dữ liệu ảnh và video du lịch Quảng Trị; xây dựng hệ thống tin nhắn quảng bá du lịch; giải pháp truyền thông và marketing online. Tổ chức có hiệu quả các hoạt động quảng bá du lịch trên Trang thông tin điện tử của các huyện, thị xã, thành phố và trên các Trang thông tin điện tử về Du lịch của tỉnh Quảng Trị (dulichquangtri.com.vn; dulich.quangtri.gov.vn; ipa.quangtri.gov.vn). Bên cạnh đó, hệ thống có kết nối liên thông với hệ thống quản lý lưu trú trực tuyến nên cơ quan chức năng có thể tăng hiệu quả quản lý, điều hành, quảng bá du lịch, hướng tới phát triển thị trường toàn cầu; giải quyết các vấn đề để nâng cao chất lượng dịch vụ; nắm bắt số liệu du lịch và kết nối đến cơ sở dữ liệu quốc gia về du lịch...

- Lĩnh vực An ninh - Quốc phòng:

Công tác nghiên cứu, ứng dụng KH&CN trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng tập trung nghiên cứu, xác định những vấn đề cơ bản về xây dựng, hoạt động khu vực phòng thủ; công tác quản lý nhà nước về phòng ngừa, đấu tranh tội phạm sử dụng công nghệ cao và đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả về công tác phòng ngừa, đấu tranh tội phạm sử dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Nghiên cứu xây dựng các biện pháp giữ gìn an ninh trật tự, nâng cao khả năng phòng ngừa, tự bảo vệ của từng cá nhân, tổ chức và đảm bảo các điều kiện cho các hoạt động an ninh trật tự tại các cụm công nghiệp, khu công nghiệp và khu kinh tế cửa khẩu, góp phần bảo đảm việc quy hoạch, xây dựng, phát triển các cụm công nghiệp, khu công nghiệp và khu kinh tế cửa khẩu đúng tiến độ, an toàn, hiệu quả, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Nhà nước nói chung và của từng vùng, từng địa phương nói riêng...

II. HẠN CHẾ, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN

2.1. Hạn chế, yếu kém

- Tiềm lực KHCN chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu thực tế. Nguồn nhân lực KHCN không đồng đều giữa các ngành, lĩnh vực; đội ngũ cán bộ có trình độ đại học và trên đại học ngày càng tăng, nhưng số người có trình độ chuyên môn để làm công tác nghiên cứu, triển khai ứng dụng KHCN chưa nhiều, nhất là thiếu các chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực mũi nhọn của tỉnh. Cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hoạt động KHCN vẫn còn lạc hậu và thiếu đồng bộ. Năng lực và hiệu quả hoạt động KHCN của đa số các tổ chức KHCN còn thấp.

- Đầu tư ngân sách nhà nước cho hoạt động KHCN của tỉnh trong những năm qua đã được quan tâm, tăng dần hàng năm; tuy nhiên, vẫn còn thấp và chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Việc triển khai cho vay của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ còn nhiều vấn đề bất cập, dẫn đến khó khăn trong việc triển khai thực hiện vay vốn.

- Quá trình thúc đẩy đổi mới công nghệ thiết bị trong các doanh nghiệp chưa có sự bứt phá, thiếu nhiều yếu tố để thực hiện. Chưa có nhiều doanh nghiệp quan tâm đầu tư cho nghiên cứu khoa học, phát triển và đổi mới công nghệ, coi đầu tư cho KH&CN là chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp.

- Công tác quản lý nhà nước về KHCN tuy đã được đổi mới song chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu, nhất là ở cơ sở. Thị trường khoa học công nghệ chưa phát triển, hoạt động chuyển giao khoa học công nghệ chưa rộng khắp ở các lĩnh vực, nguồn lực xã hội tham gia hoạt động khoa học còn hạn chế). Tỷ lệ các đề tài nghiên cứu được nhân rộng vào thực tế sản xuất và đời sống chỉ đạt khoảng 40 - 50% (mục tiêu Nghị quyết 08/NQ-HĐND tỉnh đề ra là 70 – 80%).

2.2. Nguyên nhân

- Nhận thức gắn với hành động trong tổ chức thực hiện ứng dụng KH&CN của một số ngành, địa phương, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa đúng mức, chưa có giải pháp cụ thể, đột phá để KH&CN thực sự trở thành động lực, nền tảng trong phát triển KT-XH một cách bền vững.

- Hầu hết doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đều là doanh nghiệp vừa và nhỏ, việc đầu tư cho nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ cũng như năng lực để hấp thụ các công nghệ mới chưa đủ mạnh.

- Công tác phối hợp trong tư vấn, chuyển giao công nghệ chưa phát triển và còn thiếu các tổ chức trung gian thực hiện việc chuyển giao công nghệ trên các lĩnh vực.

- Nguồn lực đầu tư cho KHCN nhìn chung còn thấp; Kinh phí ngân sách bố trí cho khoa học và công nghệ hàng năm còn hạn chế. Trong khi đó, việc triển khai các biện pháp để các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp đầu tư cho KHCN triển khai chưa đồng bộ và thiếu hiệu quả.

- Một số cơ chế, chính sách sách đổi mới về KHCN triển khai còn chậm, chưa phù hợp để thúc đẩy phát triển hoạt động KHCN trên địa bàn tỉnh.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KH, CN & ĐMST TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2021-2030

1. Quan điểm phát triển KH, CN & ĐMST

- Phát triển KHCN & ĐMST phải là giải pháp đột phá để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2030 và các năm tiếp theo.

- Phát triển KH,CN&ĐMST phải được thực hiện đồng bộ với 3 nhiệm vụ chủ yếu: Nâng cao năng lực KH,CN&ĐMST; đẩy mạnh ứng dụng KH,CN&ĐMST; đổi mới phương thức tổ chức hoạt động KH,CN&ĐMST.

- Hoạt động KH,CN&ĐMST phải được đẩy mạnh ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương. Ưu tiên ngân sách nhà nước và huy động mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển KH,CN&ĐMST. Tập trung đầu tư của Nhà nước vào các lĩnh vực trọng điểm, ưu tiên; đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động KH,CN&ĐMST; khai thác tối đa các nguồn lực xã hội đầu tư cho KH,CN&ĐMST.

2. Mục tiêu phát triển KH,CN&ĐMST

2.1. Mục tiêu chung

Phát triển KH,CN&ĐMST nhằm tạo bứt phá, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; đưa KH&CN thực sự trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển KH,CN&ĐMST, thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số.

- Phát triển mạnh mẽ, đồng bộ khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, công nghệ thông tin và chuyển đổi số; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, trong đó tập trung phát triển các lĩnh vực, công nghệ ưu tiên, có khả năng ứng dụng cao như công nghệ sinh học, năng lượng mới, chuyển đổi số...

- Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực KH&CN chất lượng cao, nhất là đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành trên các lĩnh vực mũi nhọn.

- Phát triển tài sản trí tuệ gắn với phát triển thị trường KH&CN, thúc đẩy phát triển chuỗi giá trị các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Tập trung xây dựng và nâng cao năng lực các tổ chức KH&CN; xây dựng và vận hành có hiệu quả các hệ sinh thái ĐMST. Hỗ trợ xây dựng Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN và Trường Cao đẳng Kỹ thuật tỉnh trở thành các Trung tâm nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ. Phát triển vườn ươm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thuộc Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN tỉnh.

- Phát triển KH,CN & ĐMST theo cơ chế thị trường, hướng trọng tâm vào doanh nghiệp. Nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp, lấy doanh nghiệp làm chủ thể của hoạt động ứng dụng KH&CN.

2.3. Các chỉ tiêu:

- Phấn đấu đến năm 2030, trình độ, năng lực công nghệ trên mức trung bình chung của cả nước.

- Bảo đảm mức đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ đạt 1% tổng chi

ngân sách địa phương vào năm 2025 và đạt từ 2% trở lên vào năm 2030.

- Có 10 doanh nghiệp khoa học và công nghệ, 30 ý tưởng, dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được hỗ trợ vào năm 2025; có trên 20 doanh nghiệp khoa học và công nghệ vào năm 2030.

- Đến năm 2025 có 30%, năm 2030 có 50% kết quả của các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ được thương mại hóa sản phẩm; từ 70-80% sản phẩm chủ lực, đặc sản của địa phương được đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

- Đến năm 2025 có từ 10-15, năm 2030 có 20 đặc sản, sản phẩm chủ lực trên địa bàn tỉnh phát triển theo chuỗi giá trị; Đến năm 2025 có 10-15, năm 2030 có 20 công nghệ/sản phẩm/sáng chế được chuyển giao và có nguồn thu; Năm 2030 có trên 20 sáng chế giải pháp hữu ích được đăng ký bảo hộ và có trên 70% sản phẩm chủ lực trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ theo các chính sách của tỉnh.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

2.1. Xây dựng, hoàn thiện, triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách phát triển KH&CN

Đẩy mạnh việc xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo để khơi thông nguồn lực, thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tập trung xây dựng, triển khai các chính sách địa phương để chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư như: hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, phát triển các lĩnh vực ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao. Tham mưu ban hành và triển khai các chính sách hỗ trợ nhằm khuyến khích, huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo. Hướng dẫn, hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhà nước thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

2.2. Nâng cao năng lực KH&CN của tỉnh trên các yếu tố cơ bản: Cơ sở vật chất, nhân lực, vốn đầu tư

Phát triển nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù để thu hút và trọng dụng nguồn nhân lực KH&CN chất lượng cao. Tạo được mạng lưới các nhà khoa học, chuyên gia giỏi trong tỉnh, trong nước sẵn sàng tham gia giải quyết các vấn đề KH&CN&ĐMST của tỉnh; Đẩy mạnh việc ưu tiên tuyển dụng vào các tổ chức KH&CN công lập, các cơ quan nhà nước đối với các nhà khoa học trẻ tài năng.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, tuyển dụng, luân chuyển phù hợp để nâng cao trình độ của cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong các tổ chức KH&CN. Phân đầu đến năm 2030, trong các tổ chức KH&CN có ít nhất 50% số cán bộ có trình độ từ thạc sĩ và 40 tiến sĩ.

- Tổ chức các hoạt động tôn vinh xứng đáng những cá nhân, tổ chức có các phát minh, sáng chế, công trình KH&CN&ĐMST đem lại hiệu quả cao; tổ chức tốt việc triển

khai Giải thưởng KH&CN Quảng Trị.

Phát triển các tổ chức khoa học, công nghệ

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại hợp lý các tổ chức KH&CN của các ngành, các trường đại học, cao đẳng theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, trùng lặp và phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

- Hỗ trợ các doanh nghiệp thành lập các tổ chức KH&CN, các phòng thí nghiệm trực thuộc doanh nghiệp, các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) trên địa bàn tỉnh. Phân đầu đến 2030 có ít nhất 15 doanh nghiệp, đơn vị SNCL có phòng nghiên cứu, thí nghiệm, thử nghiệm hiện đại.

- Phân đầu giai đoạn 2021 - 2030 phát triển thêm 16 doanh nghiệp KH&CN; 10 doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST.

- Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng cho nghiên cứu, ứng dụng KH&CN&ĐMST, nhất là khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng cho Vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tại Đèo Sa Mù và thôn Hướng Phú, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa để phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực, kết hợp với du lịch sinh thái.

- Nghiên cứu xây dựng Khu công nghệ thông tin tập trung của tỉnh.

- Đầu tư hoàn chỉnh cơ sở vật chất cho các trung tâm nghiên cứu, các phòng thí nghiệm, thử nghiệm của các ngành và trường cao đẳng theo hướng hiện đại.

Tăng vốn đầu tư từ ngân sách cho KH&CN&ĐMST, đồng thời tích cực huy động các nguồn vốn đầu tư xã hội hóa khác

- Đảm bảo tổng đầu tư xã hội cho KH&CN đạt 2% GRDP; trong đó tỷ trọng NSNN khoảng 30 - 35%. Hàng năm dành khoảng 30% để phát triển hạ tầng KH&CN;

- Bố trí tăng dần tỷ lệ chi ngân sách cho KH&CN&ĐMST, gồm: Ngân sách địa phương (chi sự nghiệp khoa học, chi đầu tư phát triển KH&CN&ĐMST), ngân sách trung ương (khai thác từ các chương trình cấp nhà nước, cấp bộ) để phân đầu theo lộ trình tăng dần để đến năm 2030 đạt 2% chi ngân sách tỉnh.

- Chi đầu tư phát triển KH&CN&ĐMST được ghi thành một mục riêng trong dự toán chi ngân sách hằng năm của tỉnh.

- Triển khai tích cực các biện pháp để vốn đầu tư khác cho KH&CN&ĐMST bằng ít nhất 2 lần vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh, cụ thể là:

+ Hàng năm đẩy mạnh việc bổ sung nguồn Quỹ phát triển KH&CN&ĐMST tỉnh và của các doanh nghiệp; đến năm 2030, tổng số vốn các Quỹ phát triển KH&CN&ĐMST trên địa bàn tỉnh ít nhất bằng 10% số vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh cho KH&CN trong giai đoạn 2021-2030;

+ Tạo điều kiện hỗ trợ tích cực để các tổ chức, doanh nghiệp trong tỉnh tham gia các chương trình, dự án KH&CN của Trung ương, của các tổ chức quốc tế. Phân đầu

trong giai đoạn 2021 - 2030, số vốn được hỗ trợ từ các chương trình dự án KH&CN của Trung ương tăng 30% so với giai đoạn 2011 – 2020;

+ Tiếp tục thực hiện cơ chế đối ứng kinh phí để thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; Phân đầu kinh phí đầu tư từ các nguồn khác (tổ chức, doanh nghiệp, người dân) chiếm ít nhất 30% tổng kinh phí đầu tư cho các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh;

+ Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp tăng kinh phí đầu tư đổi mới công nghệ, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm, trung tâm phân tích, kiểm định, kiểm nghiệm trực thuộc doanh nghiệp;

+ Nghiên cứu thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm của tỉnh Quảng Trị (tư nhân thành lập hoặc liên kết giữa tư nhân và nhà nước) đối với hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ mới, công nghệ cao.

2.3. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu ứng dụng, tiếp nhận và chuyển giao tiến bộ KHCN trên các lĩnh vực:

2.3.1. KHXHNV để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Lĩnh vực khoa học xã hội:

Ưu tiên nghiên cứu về các lĩnh vực tiềm năng để cung cấp cơ sở dữ liệu, luận cứ khoa học phục vụ phát triển nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo, nhằm kêu gọi thu hút các dự án đầu tư xây dựng nhà máy điện gió, điện năng lượng mặt trời, điện than, điện khí hóa lỏng trên địa bàn tỉnh. Các nghiên cứu về điều kiện tự nhiên - xã hội, phục vụ phòng ngừa giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

Triển khai các nghiên cứu phục vụ xây dựng các luận cứ khoa học cho các nghị quyết của Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2026-2030; Nghiên cứu cung cấp những luận cứ khoa học góp phần nâng cao chất lượng các quyết định, chủ trương và công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh; Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến củng cố và xây dựng hệ thống chính trị, tăng cường và nâng cao hiệu quả sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước. Triển khai các nghiên cứu hoàn thiện thể chế tạo động lực phát triển tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2030; Nghiên cứu xây dựng Đề án tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng của tỉnh theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2035;

Nghiên cứu hoàn thiện các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế gắn với khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, các chính sách phát triển kinh tế trong bối cảnh phát triển nền kinh tế số...đảm bảo tăng trưởng nhanh và bền vững, cơ cấu kinh tế trong điều kiện chung sống với đại dịch Covid-19 và hậu Covid-19.

Triển khai nghiên cứu giải pháp đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo, gắn phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, khắc phục mặt trái của đô thị hoá nhanh và kinh tế thị trường; Nghiên cứu phương thức đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, cơ quan văn hóa. Triển khai các

nghiên cứu đa dạng hoá các loại hình du lịch, nâng cao chất lượng phục vụ; Ứng dụng các thành tựu KH&CN nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, tạo sản phẩm du lịch mới.

Nghiên cứu các giải pháp nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các hình thức giáo dục đào tạo; các nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, công nghệ thông tin, dạy học từ xa,... vào công tác quản lý, giảng dạy và học tập các cơ sở giáo dục. Triển khai các nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại trong khám, chữa bệnh nhằm mục tiêu từng bước hiện đại hóa kỹ thuật y học chuyên môn sâu trong lĩnh vực y tế dự phòng, khám chữa bệnh, kiểm nghiệm và giám định; các nghiên cứu về bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn dược liệu phục vụ công tác khám chữa bệnh của tỉnh Quảng Trị.

Lĩnh vực nhân văn: Nghiên cứu khai thác những giá trị truyền thống lịch sử, văn hóa tốt đẹp của Quảng Trị. Tiếp tục nghiên cứu toàn diện con người, lịch sử, truyền thống cách mạng và diện mạo, sắc thái văn hóa đặc trưng tỉnh Quảng Trị phục vụ quá trình hội nhập và phát triển; xây dựng lối sống văn minh đô thị, công nghiệp. Nghiên cứu, triển khai và cung cấp các luận cứ khoa học và thực tiễn cũng như tìm ra các giải pháp hợp lý để đưa văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, trong từng người, từng gia đình và cộng đồng. Nghiên cứu phát huy vai trò khoa học, công nghệ, đặc biệt là công nghệ số trong xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Trị. Nghiên cứu bảo tồn, gìn giữ và tôn tạo các di tích lịch sử và phát huy bản sắc văn hoá của các cộng đồng dân tộc ít người trên địa bàn Quảng Trị góp phần phát triển du lịch nói riêng và sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội nói chung.

2.3.2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ

- Công nghệ thông tin và truyền thông

Ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi ngành nghề, lĩnh vực. Đặc biệt đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực bưu chính, tăng cường cung ứng dịch vụ công qua mạng bưu chính công cộng. Tập trung nguồn lực thực hiện thành công chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số, nền kinh tế số, xã hội số và phát triển đô thị thông minh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Tập trung thúc đẩy chuyển đổi giao thức Ipv4 sang Ipv6, đặc biệt là khôi các cơ quan nhà nước, hạ tầng chính quyền điện tử; hiện đại hóa mạng viễn thông, tạo điều kiện thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước bắt kịp các xu thế của cuộc CMCN 4.0.

- Công nghệ sinh học: Chú trọng ứng dụng công nghệ nhân giống bằng phương pháp vô tính (*in vitro*) để chọn tạo các giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản có chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh hại; Đẩy mạnh nghiên cứu, sản xuất các chế phẩm sinh học, nghiên cứu sản xuất phân hữu cơ vi sinh, thuốc BVTV sinh học để mở rộng diện tích sản xuất theo quy trình hữu cơ organic, nhằm tạo ra nguyên liệu sạch để chế biến sâu thành các sản phẩm hàng hóa có chất lượng và giá trị kinh tế cao. Kết hợp với việc thực hiện Chương trình OCOP của tỉnh, phát triển thương hiệu, bảo hộ

quyền sở hữu trí tuệ cho sản phẩm hàng hóa đặc thù của từng địa phương trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học tiên tiến trong lĩnh vực y dược.

- *Công nghệ chế biến nông - lâm - thủy sản, cây dược liệu*: Nghiên cứu ứng dụng các quy trình công nghệ chế biến sâu các sản phẩm nông sản để tạo thành hàng hóa chất lượng cao. Kết hợp với việc xây dựng nhãn hiệu chứng nhận, có truy xuất nguồn gốc rõ ràng, nhằm nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường, phục vụ xuất khẩu, gia tăng chuỗi giá trị hàng hóa nông sản và cây dược liệu trên địa bàn tỉnh.

- *Công nghệ cơ khí, tự động hóa*: Tăng cường hỗ trợ đổi mới công nghệ, dây chuyền sản xuất với thiết bị, máy móc hiện đại trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, làng nghề truyền thống và triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu chuyển giao ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sản xuất sạch, thân thiện với môi trường, nhất là công nghệ tự động hóa vào các lĩnh vực sản xuất và đời sống, nhằm nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh để phục vụ xuất khẩu.

- *Công nghệ vật liệu và năng lượng mới*: Cần tập trung ưu tiên cho lĩnh vực khoa học kỹ thuật mới, ứng dụng công nghệ cao để phát triển các sản phẩm hàng hóa tiềm năng có triển vọng, theo yêu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu về vật liệu xây dựng, vật liệu mới, Silicat, khí hóa lỏng. Nhất là việc tăng cường đổi mới công nghệ, cơ khí hóa trong nông nghiệp, tự động hóa trong công nghiệp. Nghiên cứu dữ liệu số hóa phục vụ phát triển điện gió, điện mặt trời...

2.3.3. Khoa học công nghệ trong các ngành, lĩnh vực:

- Nông nghiệp - phát triển nông thôn mới

Tiếp tục nghiên cứu thử, khảo nghiệm chọn tạo các giống cây trồng, con nuôi mới, chất lượng cao; các quy trình SXNN ứng dụng công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp theo quy trình VietGAP, GlobalGAP, ứng dụng công nghệ tự động hóa, xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp thông minh, sản xuất sạch theo hướng hữu cơ organic, công nghệ chế biến sâu tạo các sản phẩm hàng hóa chất lượng cao; sản xuất các chế phẩm sinh học để hạn chế dịch bệnh, cải tạo môi trường... Đồng thời, nghiên cứu thí điểm áp dụng một số thiết bị, máy móc hiện đại phục vụ cơ giới hóa, tự động hóa trong sản xuất nông nghiệp.

- Công nghiệp, thương mại, dịch vụ

Nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ, các tiến bộ kỹ thuật, đổi mới công nghệ trong các lĩnh vực sản xuất công nghiệp có thể mạnh và sản xuất tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống. Đẩy mạnh áp dụng công nghệ hiện đại để sản xuất sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu trong các lĩnh vực chế biến nông, lâm, thủy sản; khai thác và chế biến khoáng sản; sản xuất vật liệu xây dựng...

Nghiên cứu luận cứ, các giải pháp và mô hình tập trung phát triển các ngành dịch vụ chủ lực có hàm lượng chất xám cao, có lợi thế và tầm ảnh hưởng lớn trong nước.

Xây dựng và triển khai Đề án hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số để nâng cao năng lực cạnh tranh; Đề án hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ 4.0 và phát triển sản xuất thông minh;

Nâng cấp và vận hành Sàn giao dịch thương mại điện tử nhằm nâng cấp giao diện và các tính năng trên Sàn thương mại điện tử tỉnh Quảng Trị; quảng bá Sàn thương mại điện tử. Hỗ trợ doanh nghiệp, đơn vị trên địa bàn tỉnh mở rộng kênh phân phối sản phẩm thông qua việc kết nối, tham gia các Sàn thương mại điện tử uy tín trong nước.

Xây dựng phần mềm truy xuất nguồn gốc điện tử nhằm hỗ trợ các đơn vị sản xuất kinh doanh các sản phẩm đặc trưng của tỉnh.

- Xây dựng, giao thông vận tải

Ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong thiết kế, kiến trúc, quy hoạch và xây dựng; kết hợp giữa kiến trúc hiện đại và kiến trúc truyền thống, giữ gìn bản sắc dân tộc; nghiên cứu các mô hình kiến trúc phù hợp cho các vùng miền trong tỉnh, chú trọng ứng dụng công nghệ sạch và tiết kiệm sử dụng năng lượng trong công trình.

Tăng cường áp dụng công nghệ tiên tiến để sản xuất sản phẩm đạt các tiêu chuẩn, nhất là trong các lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản; sản xuất vật liệu xây dựng. Đổi mới công nghệ, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật nâng cao chất lượng các sản phẩm vật liệu xây dựng thuộc thế mạnh ưu tiên của tỉnh. Tiếp cận và làm chủ công nghệ - kỹ thuật thiết bị hiện đại, tiên tiến, đáp ứng yêu cầu xây dựng trong nước, nhất là đối với các công trình có trình độ kỹ thuật cao trong lĩnh vực xây dựng.

Đẩy mạnh ứng dụng KHCN trong đầu tư xây dựng và phát triển Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị và các dự án trọng điểm của tỉnh. Ứng dụng các công nghệ mới trong xây dựng, quản lý, điều hành hệ thống hạ tầng giao thông. Đặc biệt là ứng dụng các tiến bộ KH&CN trong quy hoạch và phát triển các cơ sở công nghiệp, logistic dọc Quốc lộ 15D...

- Tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

Tiếp tục công tác điều tra cơ bản bổ sung đánh giá tiềm năng tài nguyên thiên nhiên và môi trường, để phục vụ cho việc quản lý, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả.

Nghiên cứu ứng phó biến đổi khí hậu nhằm đề ra các giải pháp thích hợp và hiệu quả về phòng, chống thiên tai, bảo đảm cho sản xuất và đời sống; ứng dụng các giải pháp bảo vệ môi trường đô thị và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

Ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong quản lý, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo vệ môi trường;

Phát triển công nghệ môi trường trong xử lý nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, khí thải; ứng dụng công nghệ sản xuất sạch, công nghệ thân thiện môi trường trong sản xuất, kinh doanh; phát triển công nghệ tái chế chất thải. Nhất là,

nghiên cứu các giải pháp công nghệ cải thiện môi trường của các cơ sở sản xuất, khu, cụm công nghiệp, khu đô thị, làng nghề, các lưu vực sông trong tỉnh.

Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) và công nghệ viễn thám trong công tác quản lý tài nguyên, môi trường, phân tích tác động của biến đổi khí hậu và mô hình ứng phó với biến đổi khí hậu.

- *Giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao và du lịch*

Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo:

Đổi mới hoạt động giáo dục, đào tạo theo hướng phát triển năng lực tiếp cận, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng với môi trường công nghệ liên tục thay đổi và phát triển; Đổi mới cách dạy và học trên cơ sở áp dụng công nghệ số.

Phát triển các mô hình giáo dục, đào tạo mới dựa trên nền tảng số. Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút, sử dụng nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao.

Triển khai thực hiện nâng cấp cơ sở hạ tầng giáo dục, hiện đại hóa các phòng học Ngoại ngữ, Tin học, Phòng Đa phương tiện kỹ thuật số và Đề án phát triển nguồn nhân lực phục vụ yêu cầu phát triển cuộc CMCN 4.0.

+ *Trong lĩnh vực y tế:*

Tập trung nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, kỹ thuật mới trong ngành y tế để tăng cường chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm phục vụ công tác phòng ngừa, hạn chế tối đa dịch bệnh nguy hiểm lây lan trong cộng đồng. Nghiên cứu về dịch tễ học cộng đồng và điều tra cơ bản về một số dịch bệnh phổ biến và tai nạn thương tích trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường tiềm lực KH&CN trên các lĩnh vực trọng tâm như các kỹ thuật chuyên sâu trong chẩn đoán và điều trị, trong dự phòng, kiểm nghiệm dược phẩm - mỹ phẩm và vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh lao động, kiểm dịch y tế.

Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện, mô hình quản lý bệnh viện thông minh; quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử; quản lý hệ thống cung ứng thuốc; quản lý y tế cơ sở; an toàn vệ sinh thực phẩm...

Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về hồ sơ bệnh án, bệnh dịch... của tỉnh và kết nối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh toàn quốc.

+ *Trong lĩnh vực văn hóa:*

Tiếp tục tăng cường hoạt động ứng dụng thiết bị, kỹ thuật hiện đại trong công tác quản lý, bảo vệ di sản văn hoá; hoàn thiện và đưa vào sử dụng phần mềm quản lý Thư viện điện tử.

Ứng dụng công nghệ số trong hoạt động biểu diễn nghệ thuật, bảo tồn, phục dựng và quảng bá các di sản văn hóa; áp dụng công nghệ thông tin vào công tác số hóa tài liệu phục vụ công tác nghiệp vụ thư viện.

+ *Trong lĩnh vực thể thao:*

Ứng dụng các phần mềm hiện đại trong quản lý vận động viên, huấn luyện liên thể thao, các hội, nhóm, đoàn thể thao cấp tỉnh, các cơ sở, doanh nghiệp kinh doanh thể thao trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ trong công tác huấn luyện và đào tạo vận động viên.

+ *Trong lĩnh vực du lịch:*

Nghiên cứu các luận cứ khoa học để phát huy giá trị các sản phẩm du lịch đặc thù của tỉnh.

Thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch. Xây dựng Cổng thông tin và các ứng dụng thông minh phục vụ khách du lịch trên thiết bị di động, bản đồ du lịch thông minh, kho dữ liệu tập trung và hệ thống báo cáo ngành du lịch, hệ thống phân tích du lịch thông minh.

Triển khai ứng dụng công nghệ thực tế ảo, thực tế tăng cường. Phát triển các ứng dụng kết nối liên thông hệ thống thông tin phục vụ điều hành, quản lý nhà nước về du lịch đến các địa phương, doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị liên quan.

- *Lĩnh vực An ninh, quốc phòng*

Tăng cường ứng dụng KH&CN với việc xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội.

Ứng dụng KH&CN trong công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm sử dụng công nghệ cao. Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống các loại tội phạm; phòng, chống các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng trên các tuyến trọng điểm.

Đẩy mạnh công tác phòng ngừa, ngăn chặn âm mưu, hoạt động thông qua kinh tế để thâm nhập; bảo đảm môi trường để thu hút đầu tư an toàn, điều kiện sản xuất, kinh doanh bình thường các công ty, doanh nghiệp và nhà máy trên địa bàn, nhất là các khu - cụm công nghiệp...

Tăng cường công tác nắm, phân tích, dự báo tình hình chủ động phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch tác động vào địa bàn, nhất là các hoạt động thâm nhập, tác động chuyển hóa nội bộ, kích động, lợi dụng hoạt động khiếu kiện để chống phá...

2.4. Tăng cường xác lập quyền sở hữu trí tuệ và áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa chủ lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương

Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng và phát triển thương hiệu đối với sản phẩm, hàng hóa, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực của tỉnh, sản phẩm OCOP. Hỗ trợ các doanh nghiệp phần mềm và nội dung số đăng ký sở hữu trí tuệ quyền tác

giả cho các sản phẩm. Hỗ trợ các địa phương xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể đối với các đặc sản địa phương và các sản phẩm có thị trường tiêu thụ lớn. Tổ chức quản lý và khai thác và phát triển tốt các sản phẩm đã được bảo hộ về chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể trong giai đoạn 2011-2020.

Đẩy mạnh việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm xuất khẩu để đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của các thị trường; đặc biệt chú trọng việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm chăn nuôi, trồng trọt, hải sản chế biến. Đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước về TCDLCL sản phẩm, hàng hoá, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển KT-XH tại địa phương.

Triển khai tốt các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đầu tư nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế như: Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn tiên tiến trong sản xuất, dịch vụ; xây dựng, công bố tiêu chuẩn chất lượng; đánh giá chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy sản phẩm; tham gia giải thưởng chất lượng quốc gia, quốc tế... Hỗ trợ áp dụng các Hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến của trong nước và quốc tế cho các sản phẩm OCOP của tỉnh.

2.5. Nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN&ĐMST, nhất là cấp huyện, ngành theo hướng mỗi huyện, thị xã, thành phố, ngành phải có ít nhất 01 cán bộ chuyên trách công tác KH&CN&ĐMST.

- Thực hiện việc phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước về KH&CN phù hợp với điều kiện thực tế của ngành và địa phương.

- Tiếp tục kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng khoa học các cấp. Đổi mới cơ chế, phương thức quản lý các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học. Xây dựng cơ chế chịu trách nhiệm về chất lượng nghiên cứu để tháo gỡ vướng mắc quy trình, thủ tục liên quan đến các đề tài, nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách Nhà nước theo hướng chấp nhận nguyên tắc rủi ro trong khoa học.

- Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo gắn với phát triển kinh tế-xã hội theo chiều sâu, bền vững, phát triển KH&CN gắn với phát triển văn hóa và con người.

2.6. Đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với việc chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 190-KH/TU ngày 12/08/2020 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4; Chương trình hành động số 21-CTHĐ/TU ngày 13/8/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Đại

hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII; Kế hoạch số 5807/KH-UBND ngày 17/12/2020 của UBND tỉnh Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ và Kế hoạch số 190- KH/TU ngày 12/8/2020 của BTV Tỉnh ủy “về việc thực hiện Nghị quyết số 52- NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4”.

- Trong đó, chú trọng nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin, đầu tư hạ tầng kỹ thuật... phục vụ chuyển đổi số, kết nối internet vạn vật; xây dựng nền sản xuất và dịch vụ thông minh; ứng dụng thành tựu “trí tuệ nhân tạo” vào thực tiễn sản xuất và đời sống; Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch 3690/KH-UBND ngày 14/8/2019 của UBND tỉnh về hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đến năm 2025. Tham mưu xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo của tỉnh, tập trung vào các công nghệ chủ chốt của cách mạng công nghiệp 4.0. Nghiên cứu đề xuất các cơ chế, chính sách đặc biệt, có tính đột phá đối với việc xây dựng phát triển đổi mới sáng tạo.

2.7. Xây dựng và triển khai thực hiện một số chương trình, dự án KHCN trọng điểm (Phụ lục kèm theo)

*** Chương trình 1: Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ.**

Phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ. Đào tạo, đào tạo lại nhân lực khoa học và công nghệ có trình độ gắn với nhu cầu thực tiễn. Xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ đầu ngành và phát triển cán bộ kế cận. Xây dựng và thực hiện chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài, nhân lực khoa học và công nghệ trình độ cao.

Phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ. Quy hoạch hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ; phân bổ hợp lý các tổ chức khoa học và công nghệ theo hướng tập trung. củng cố, sắp xếp lại và phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo ngành, lĩnh vực. Hình thành các khu nông nghiệp công nghệ cao Bắc Hướng Hóa.

Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng về khoa học và công nghệ. Đầu tư nâng cấp hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật trong các tổ chức khoa học và công nghệ, ưu tiên các phòng thí nghiệm, thử nghiệm quan trọng; đặc biệt quan tâm đầu tư phát triển công nghệ sinh học.

Phát triển thông tin khoa học và công nghệ. Áp dụng hệ thống Chỉ tiêu thống kê ngành khoa học và công nghệ; tăng cường sự tham gia, phối hợp của các cơ quan, ban, ngành trong việc thu thập, cung cấp các thông tin khoa học và công nghệ phục vụ thống kê khoa học và công nghệ; nâng cao năng lực cho cán bộ trong ngành về xử lý, lưu giữ, quản trị thông tin, dữ liệu thống kê; áp dụng các phần mềm quản lý và thống kê chuyên ngành; xây dựng hệ thống thông tin và dữ liệu về các cơ quan, tổ chức và cá nhân, tiềm lực và kết quả hoạt động lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Xây dựng và phát triển hệ thống thư viện điện tử: ưu tiên thu thập, xử lý và số hóa nguồn tin cơ bản, các kết quả nghiên cứu của các đề tài, dự án khoa học và công

nghe; hệ thống thư viện điện tử cần sử dụng chung công thông tin kết nối thư viện số của các tổ chức khoa học và công nghệ.

Xây dựng hệ thống dịch vụ thông tin và thống kê KHCN; xây dựng danh mục các sản phẩm mới, sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích đầu tư vào địa bàn tỉnh đến năm 2030; xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu các nhà khoa học, các chuyên gia thuộc các lĩnh vực để cung cấp cho các doanh nghiệp, các tổ chức KHCN có nhu cầu.

Tăng cường liên kết, trao đổi thông tin khoa học và công nghệ: tạo sự liên kết giữa các tổ chức khoa học và công nghệ và các cơ sở sản xuất; trao đổi thông tin giữa các tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn và các tổ chức khoa học và công nghệ cả nước và trên thế giới.

Phát triển doanh nghiệp và thị trường khoa học và công nghệ. Tuyên truyền sâu rộng các cơ chế, chính sách về doanh nghiệp khoa học và công nghệ, sở hữu trí tuệ. Tăng cường sự kết nối giữa doanh nghiệp, Viện nghiên cứu, Trường đại học để hỗ trợ cho quá trình đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp; xây dựng và phát triển hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hỗ trợ hình thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ phù hợp với điều kiện của tỉnh. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thúc đẩy và hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, các sáng chế; hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật tạo sự đồng bộ, đảm bảo tính thực thi, khuyến khích các doanh nghiệp khoa học và công nghệ hình thành và phát triển.

Chương trình 2: Chương trình đổi mới công nghệ và tự động hóa, trí tuệ nhân tạo trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp

Lĩnh vực nông nghiệp: Tiếp tục nghiên cứu thử, khảo nghiệm chọn tạo các giống cây trồng, con nuôi mới, chất lượng cao; các quy trình SXNN ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tự động hóa, mô hình sản xuất thông minh, sản xuất sạch theo hướng hữu cơ organic, công nghệ chế biến sâu tạo các sản phẩm hàng hóa chất lượng cao; sản xuất và sử dụng các chế phẩm sinh học để hạn chế dịch bệnh, cải tạo môi trường;... Kết hợp với việc xây dựng nhãn hiệu chứng nhận, có truy xuất nguồn gốc rõ ràng, nhằm nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường, phục vụ xuất khẩu, gia tăng chuỗi giá trị hàng hóa nông sản và cây dược liệu trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, nghiên cứu thí điểm áp dụng một số thiết bị, máy móc hiện đại phục vụ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp để giải phóng sức lao động.

Lĩnh vực công nghiệp: Tập trung ưu tiên cho lĩnh vực khoa học kỹ thuật mới, ứng dụng công nghệ cao để phát triển các sản phẩm hàng hóa tiềm năng có triển vọng, theo yêu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu về vật liệu xây dựng, vật liệu mới, Silicat, khí hóa lỏng. Tăng cường đổi mới công nghệ, cơ khí hóa trong nông nghiệp, tự động hóa trong công nghiệp. Giai đoạn 2025-2030 cần chủ động từng bước tiếp cận thành tựu “Trí tuệ nhân tạo” để ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của các doanh nghiệp và

một số lĩnh vực khác của đời sống xã hội.

Chương trình 3: Đổi mới công nghệ, ứng dụng KHCN nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa.

- Triển khai thực hiện nhiệm vụ khảo sát, đánh giá trình độ công nghệ của các doanh nghiệp trên địa bàn trong từng năm, giai đoạn. Xây dựng cơ sở dữ liệu về trình độ công nghệ. Hỗ trợ các doanh nghiệp trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và ứng dụng kết quả KHCN, đổi mới công nghệ, sản xuất sản phẩm mới.

- Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy các hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; khuyến khích đầu tư của mọi thành phần kinh tế cho nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao KH&CN vào sản xuất kinh doanh, nhất là các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Triển khai hiệu quả các hoạt động hỗ trợ bảo hộ thương hiệu, quảng bá các sản phẩm nông nghiệp, làng nghề và các sản phẩm chủ lực của địa phương. Phát triển các ngành công nghệ, các sản phẩm thuộc lĩnh vực tự động hoá, trí tuệ nhân tạo, điện tử, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới; công nghệ thông tin và công nghệ môi trường, phục vụ phát triển công nghiệp hỗ trợ, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của một số sản phẩm công nghiệp, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển; thúc đẩy gia tăng chỉ số đổi mới công nghệ trong các ngành sản xuất.

- Ứng dụng các tiến bộ KH&CN trong truy xuất nguồn gốc sản phẩm, công nghệ chế biến, bảo quản sau thu hoạch, các công nghệ tiên tiến trong quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, gắn với bảo vệ môi trường; phát triển ứng dụng công nghệ sản xuất sạch, công nghệ thân thiện môi trường trong sản xuất, kinh doanh, công nghệ tái chế chất thải;...

Chương trình 4: Ứng dụng các thành tựu KHCN trong Y - Dược, phục vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng

Tổng kết thực tiễn, đề xuất các mô hình, giải pháp phòng chống và điều trị các bệnh, dịch nguy hiểm; bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm... Nghiên cứu mô hình và các giải pháp tăng cường chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân theo hướng chuyển đổi số. Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong sản xuất sản phẩm hỗ trợ sức khỏe. Đẩy mạnh phát triển vùng trồng, sơ chế, bảo quản, chế biến cây dược liệu tỉnh Quảng Trị.

Chương trình 5: Ứng dụng các thành tựu KHCN để ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường

Ứng dụng công nghệ, các kỹ thuật tiên bộ nhằm tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính. Chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu. Nghiên cứu triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn các ao, hồ chứa nước, đê biển, đê sông xung yếu, cống ngăn mặn, giữ ngọt; bảo vệ, đẩy mạnh phục hồi, trồng rừng phòng hộ, ứng dụng công nghệ. Ứng dụng công nghệ, kỹ thuật tiên bộ

mới trong xử lý ô nhiễm môi trường, đặc biệt là ô nhiễm môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, các làng nghề, lưu vực sông, các đô thị và khu vực nông thôn; ô nhiễm từ sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh nghiên cứu, nhân rộng các mô hình xử lý nước thải y tế, nước thải công nghiệp, nước thải chế biến nông, lâm, hải sản, nước thải sinh hoạt đô thị; xử lý chất thải rắn, quản lý chất thải nguy hại. Thúc đẩy tái sử dụng, tái chế và sản xuất, thu hồi năng lượng từ chất thải.

Chương trình 6: Khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển KT-XH

Nghiên cứu xây dựng các luận cứ khoa học và cơ sở thực tiễn, đề xuất các giải pháp phục vụ cho việc hoạch định chiến lược và chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; khai thác các tiềm năng, thế mạnh của tỉnh để phát triển kinh tế - xã hội.

Nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống - lịch sử - văn hóa của tỉnh; các vấn đề về dân tộc, tôn giáo; văn hóa ứng xử; phát huy nguồn lực con người; thực hiện xã hội hóa phát triển văn hóa, xã hội, du lịch, giáo dục - đào tạo, thể thao, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, nhất là đối với phòng trị các dịch bệnh nguy hiểm cho cộng đồng.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

3.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền các cấp trong quá trình phát triển KH&CN và ĐMST; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò nền tảng, động lực, giải pháp đột phá để phát triển kinh tế - xã hội của khoa học và công nghệ

Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong quá trình phát triển KH&CN. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp chính quyền, ban, ngành, nhất là người đứng đầu về vai trò của KH&CN&ĐMST trong phát triển KT-XH của tỉnh, trong thực hiện các mục tiêu phát triển của từng ngành, phát triển KT-XH của địa phương, phát triển sản xuất kinh doanh, dịch vụ của các tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Gắn các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển KH&CN&ĐMST với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KT-XH của tỉnh; kế hoạch ứng dụng và phát triển KH&CN & ĐMST là một nội dung bắt buộc của quy hoạch, kế hoạch phát triển của từng ngành, địa phương, doanh nghiệp.

Thường xuyên quán triệt, tuyên truyền, cung cấp thông tin về vai trò nền tảng, động lực và là lực lượng sản xuất trực tiếp của KH&CN&ĐMST đối với phát triển kinh tế - xã hội, để lãnh đạo các cấp, các ngành, doanh nghiệp nhận thức được cơ hội và thách thức trước các xu thế quốc tế, nhất là xu thế hội nhập và phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số.

3.2. Đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động, quản lý KH&CN, hỗ trợ xây dựng tổ chức KH&CN; xã hội hoá hoạt động KH&CN, huy động sự đóng góp trí tuệ và

vật chất cho sự nghiệp phát triển KH,CN&ĐMST

Tiếp tục thực hiện việc chuyển đổi toàn bộ các tổ chức KH&CN công lập sang hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Ngân sách tỉnh đảm bảo kinh phí hoạt động cho các tổ chức KH&CN công lập thông qua việc giao thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng và giao thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở.

- Tổ chức thực thi có hiệu quả các quy định về giao quyền sở hữu, quyền sử dụng và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu có sử dụng ngân sách của Nhà nước cho cơ quan chủ trì nhiệm vụ KH&CN. Thực hiện tốt quy định về công nhận kết quả nghiên cứu KH&CN không sử dụng NSNN để hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN và thương mại hóa các sản phẩm tạo ra.

- Triển khai thực hiện cơ chế thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN ở các huyện, các ngành, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện nghiêm túc cơ chế đặt hàng, quy trình tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN, tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN và quy định về xử lý tài sản được hình thành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Áp dụng triệt để cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần thực hiện nhiệm vụ KH&CN;

- Thực hiện nghiêm túc quy định về nhập khẩu máy móc, thiết bị dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng, ngăn chặn nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ lạc hậu, kém chất lượng, tiêu tốn nhiều năng lượng và không đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường sinh thái.

- Xây dựng và triển khai thực hiện “chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2026-2030 của tỉnh Quảng Trị”.

- Tổ chức thực hiện việc đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo hướng dẫn trong Thông tư 17/2019/TT-BKHCN ngày 10/12/2019. Xây dựng được bản đồ công nghệ, lộ trình đổi mới công nghệ để định hướng nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ trong các ngành lĩnh vực, địa phương và doanh nghiệp.

- Kiện toàn tổ chức, cấp bổ sung vốn và tăng cường hỗ trợ cho các dự án vay để phát huy hiệu quả hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN tỉnh Quảng Trị.

- Bố trí tăng dần tỷ lệ chi ngân sách cho KHCN để đến năm 2025 đạt mức 1% trên tổng chi ngân sách của tỉnh. Chi đầu tư phát triển KHCN được ghi thành một mục riêng trong dự toán chi ngân sách hằng năm của tỉnh.

- Triển khai tích cực các biện pháp để nâng cao nguồn vốn đầu tư cho phát triển KHCN: Tranh thủ nguồn ngân sách trung ương (từ các chương trình KHCN cấp nhà nước, cấp Bộ), tạo điều kiện hỗ trợ tích cực để các tổ chức, doanh nghiệp trong tỉnh

tham gia các chương trình, dự án về KHCN của Trung ương. Triển khai trích lập và sử dụng quỹ phát triển KHCN của doanh nghiệp, phân đầu đến năm 2030, tổng số vốn các quỹ phát triển KHCN của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh ít nhất phải bằng 30% số vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho KHCN.

- Tiếp tục đầu tư tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho các đơn vị sự nghiệp KHCN, các phòng thí nghiệm của các ngành và các trường cao đẳng. Trước mắt, đầu tư bổ sung trang thiết bị kỹ thuật, đào tạo nhân lực cho Trung tâm ứng dụng chuyển giao KHCN, Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

- Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhập khẩu công nghệ hiện đại, trước hết đối với những sản phẩm chủ lực, mũi nhọn để nhanh chóng ứng dụng vào sản xuất tạo ra sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đẩy mạnh hoạt động hợp tác, liên kết trong nghiên cứu, triển khai hình thành nên công nghệ mới. Xây dựng cơ chế nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hình thành các tổ chức nghiên cứu và phát triển công nghệ thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức trung gian của thị trường KHCN, các tổ chức dịch vụ KHCN phát triển và hoạt động có hiệu quả.

- Tăng cường hợp tác quốc tế; hợp tác trong nước trong hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ với các tổ chức KHCN và các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Xây dựng danh mục dự án KHCN của tỉnh để kêu gọi đầu tư nước ngoài; vận động người Quảng Trị ở nước ngoài, các tỉnh trong cả nước đầu tư vào lĩnh vực khoa học và chuyển giao công nghệ về quê hương.

3. 3. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu ứng dụng, tiếp thu chuyển giao tiến bộ KHCN; tăng cường xác lập quyền sở hữu trí tuệ và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa chủ lực của địa phương

- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, tiếp thu và ứng dụng tiến bộ KHCN để sản xuất các sản phẩm mới, sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao và các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Xây dựng cơ chế khuyến khích đẩy mạnh liên kết, liên doanh, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật thực hiện các dự án đầu tư sản xuất nông nghiệp theo quy mô công nghiệp, tạo ra các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao, chất lượng sạch.

- Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ; nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới; đưa công nghệ cao, công nghệ tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường vào sản xuất - kinh doanh, đặc biệt là các ngành công nghiệp bảo quản, chế biến nông sản thực phẩm, cơ khí, điện tử, sản xuất vật liệu xây dựng.

- Hỗ trợ các địa phương xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận đối với các đặc sản địa phương và có thị trường tiêu thụ lớn. Tổ chức quản lý và khai thác tốt các sản phẩm đã được bảo hộ về chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận trong giai đoạn 2011-2020.

- Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất, chế biến sản phẩm xuất khẩu áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, các công cụ cải tiến chất lượng; đẩy mạnh việc áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, đánh giá chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn quốc gia để đáp ứng yêu cầu của thị trường nhập khẩu. Có chính sách hỗ trợ tổ chức cá nhân sản xuất chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng thủy sản áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, áp dụng quy trình sản xuất sạch để sản phẩm đáp ứng được yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm

- Xây dựng Sàn giao dịch công nghệ tỉnh Quảng Trị để hỗ trợ hoạt động đổi mới công nghệ thiết bị của các doanh nghiệp.

3.5. Giải pháp thực hiện các chương trình, dự án KH&CN trọng điểm

Chương trình phát triển tiềm lực KH&CN

- Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút và chính sách sử dụng cán bộ KH&CN có trình độ cao, các chuyên gia giỏi về làm việc tại các khu nông nghiệp và công nghiệp công nghệ cao, các tổ chức KH&CN và doanh nghiệp KH&CN của tỉnh.

- Hỗ trợ việc thành lập và phát triển các tổ chức KH&CN thuộc doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm chủ lực. Thành lập các tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghệ sinh học, tài nguyên môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Chương trình đổi mới công nghệ và tự động hóa, trí tuệ nhân tạo trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp

- Xây dựng và ban hành chính sách khuyến khích các doanh nghiệp, các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới theo hướng tự động hóa và trí tuệ nhân tạo, xây dựng chính quyền điện tử, đô thị thông minh, phục vụ đảm bảo an ninh - quốc phòng...

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới, công nghệ hiện đại đối với những ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh, công tác ứng dụng chuyển đổi số, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trong hoạt động sản xuất công nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp. Theo đó, thời gian tới, ngành Nông nghiệp cần đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, áp dụng quy trình sản xuất tốt, an toàn vệ sinh thực phẩm; đổi mới công nghệ, cơ giới hóa, tự động hóa trong sản xuất nhằm thay đổi các phương thức sản xuất truyền thống sang hiện đại để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

- Tập trung nâng cao năng lực hoạt động KH&CN của các tổ chức KH&CN thuộc ngành Nông nghiệp nhằm tạo ra những bước phát triển đột phá về sản xuất, chọn tạo ra các giống cây trồng, giống thủy sản và giống chăn nuôi, phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh.

- Đổi mới công nghệ gắn với phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm, sở hữu trí tuệ, và phát triển giống, vật nuôi bản

địa... nhằm xây dựng nền nông nghiệp Quảng Trị hiện đại .

Chương trình đổi mới công nghệ, ứng dụng KHCN nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa.

- Tập trung nguồn lực triển khai có hiệu quả Đề án nâng cao năng suất chất lượng các doanh nghiệp Quảng Trị, giai đoạn 2021-2030.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới, nhất là sản phẩm giá trị cao từ nông sản.

- Hỗ trợ đào tạo về quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới cho đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật viên và cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Xây dựng hoàn chỉnh các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý Nhà nước và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin - viễn thông và internet.

Chương trình Ứng dụng các thành tựu KHCN trong Y - Dược, phục vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng

- Xây dựng cơ sở dữ liệu danh mục dùng chung gắn liền với mã định danh, làm nền tảng cho việc trao đổi thông tin, khả năng tích hợp giữa hệ thống trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để bệnh viện chủ động hoàn thiện hệ thống thông tin bệnh viện;

- Triển khai bệnh án điện tử kết nối liên thông với phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử...nhất là công nghệ tiên tiến trong chẩn đoán và điều trị bệnh ở người trong y học hiện đại và phát triển các phương pháp y học cổ truyền trong chẩn đoán, điều trị và dự phòng.

Chương trình Ứng dụng các thành tựu KHCN để ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Tranh thủ các nguồn lực đầu tư nghiên cứu khoa học công nghệ để triển khai các đề tài về năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, tái chế chất thải, vật liệu mới;

- Ban hành chính sách khuyến khích đẩy mạnh đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, sử dụng hiệu quả tài nguyên, ít chất thải. Tăng cường ứng dụng công nghệ viễn thám, công nghệ mới, tiên tiến trên nền tảng công nghệ thông tin trong ứng phó với BĐKH, quản lý tài nguyên và BVMT

Chương trình Khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển KT-XH

- Nghiên cứu cần hướng đến những vấn đề mang tính dài hạn, xuyên suốt nhằm phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững gắn với khai thác và phát triển các giá trị văn hóa, con người trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

- Quá trình xây dựng và triển khai các đề tài phải tích hợp, liên ngành giữa các vấn đề nghiên cứu cũng như tính kế thừa kết quả nghiên cứu của các đề tài để tăng

tính hiệu quả của chương trình. Các sản phẩm nghiên cứu cần xác định rõ sản phẩm sẽ ứng dụng trong việc hoạch định, thực thi chính sách trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội.

Phần thứ ba TỔ CHỨC THỰC HIỆN

A. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Về đổi mới đồng bộ tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh

1.1. Triển khai các cơ chế, chính sách mới về hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Sở Khoa học và Công nghệ, các sở chủ quản thực hiện việc chuyển đổi toàn bộ các tổ chức KH&CN công lập do UBND tỉnh thành lập sang hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo lộ trình của Chính phủ. Tham mưu xây dựng dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh tại Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KHCN thuộc Sở KH&CN.

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức thực thi có hiệu quả các quy định về giao quyền sở hữu, quyền sử dụng và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu có sử dụng ngân sách của Nhà nước cho cơ quan chủ trì nhiệm vụ KH&CN; thực hiện các quy định về công nhận kết quả nghiên cứu KH&CN không sử dụng NSNN, quy định về xử lý tài sản là kết quả của nhiệm vụ KH&CN.

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 - 2030.

1.2. Triển khai các cơ chế, chính sách mới về quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định để thay thế quy chế quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cơ sở có sử dụng NSNN phù hợp với Thông tư của Bộ KH&CN.

- Sở KH&CN thực hiện nghiêm túc cơ chế đặt hàng, quy trình tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN, tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN và có trách nhiệm hướng dẫn các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, doanh nghiệp KH&CN triển khai thực hiện đúng quy định.

- Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN tỉnh Quảng Trị.

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp & PTNT, Sở Công thương tham mưu UBND tỉnh xây dựng chính sách khuyến khích phát triển

KHCN&ĐMST trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế xã hội tỉnh Quảng Trị đến năm 2030. Trong đó, tập trung vào thu hút, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản chủ lực theo hướng ứng dụng công nghệ cao trên quy mô lớn nâng cao chuỗi giá trị hàng hóa và khuyến khích các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ mới của cuộc CMCN 4.0 để sản xuất hàng hóa chủ lực phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu;

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2030.

- Sở Công thương chủ trì khảo sát, đánh giá hiện trạng, năng lực trình độ công nghệ theo Thông tư 17/2019/TT-BKHCN và khảo sát nhu cầu đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp, xây dựng bản đồ công nghệ, lộ trình đổi mới công nghệ; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng dữ liệu các chỉ tiêu thống kê KH&CN của tỉnh theo Thông tư 03/2018/TT-BKHCN.

- Sở Xây dựng tham mưu trình UBND tỉnh Phê duyệt Đề án Phát triển “Đô thị thông minh”, “làng thông minh” giai đoạn 2026-2030;

- Đề nghị Cục Hải quan Quảng Trị, các chủ đầu tư thực hiện nghiêm chỉnh quy định về nhập khẩu máy móc, thiết bị dây truyền công nghệ đã qua sử dụng.

- Ban Quản lý Khu Kinh tế phối hợp với Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Quảng Trị, Hội Doanh nghiệp trẻ Quảng Trị thường xuyên tuyên truyền các chủ đầu tư không đưa vào địa bàn tỉnh máy móc, thiết bị, dây truyền công nghệ lạc hậu, kém chất lượng, tiêu tốn nhiều năng lượng và không đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường khi thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn.

1.3. Kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu cho UBND tỉnh các biện pháp để kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về KHCN&ĐMST của Sở; nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng khoa học ngành; chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức đào tạo, chuẩn hóa cán bộ làm công tác quản lý KHCN&ĐMST.

- Sở Nội vụ chủ trì tham mưu UBND tỉnh xây dựng phương án bổ sung biên chế chuyên trách KHCN&ĐMST cho các ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố để mỗi huyện, thị xã, thành phố có ít nhất 01 cán bộ chuyên trách phụ trách công tác KHCN&ĐMST; kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng khoa học cấp huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

1.4. Kiểm tra, thanh tra khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Sở Khoa học và Công nghệ tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực KHCN&ĐMST; chú trọng thanh tra, kiểm tra về hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ, sở hữu trí tuệ và tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác quản lý nhà nước; hành tra, kiểm tra về KH&CN&ĐMST theo phân cấp và ủy quyền.

1.5. Công tác thông tin, tuyên truyền khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Các cấp, các ngành tiếp tục phối hợp chặt chẽ, tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền để tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với sự nghiệp phát triển KH&CN&ĐMST.

2. Về nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

2.1. Phát triển nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao; nâng cao kỹ năng sử dụng máy tính cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong doanh nghiệp.

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì cùng Sở Nội vụ, Sở Lao động -Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù để thu hút, trọng dụng nguồn nhân lực KH&CN chất lượng cao; thu hút được các cán bộ KH&CN có trình độ cao, các chuyên gia giỏi tham gia giải quyết các nhiệm vụ KH&CN của tỉnh; xây dựng tiêu chí và ngân hàng chuyên gia KH&CN; xây dựng cơ sở dữ liệu các nhà khoa học, các chuyên gia thuộc các lĩnh vực để cung cấp cho các doanh nghiệp, các tổ chức KH&CN có nhu cầu.

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tuyên truyền và tổ chức triển khai thực hiện tốt Quy định về Giải thưởng KH&CN Quảng Trị; tăng cường các hoạt động truyền thông cho khởi nghiệp ĐMST.

- Sở Nội vụ chủ trì nghiên cứu, ban hành các chính sách thu hút nhân lực trình độ cao về làm việc tại tỉnh. Xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực KH&CN có chất lượng cao phục vụ cho các ngành mũi nhọn của tỉnh.

- Sở Nội vụ chủ trì, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp triển khai thực hiện tốt Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN, Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP, Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22/9/2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động KH&CN là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN tại Việt Nam; Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ về Chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.

- Các sở, ngành, trường Cao đẳng Sư phạm, Cao đẳng Kỹ thuật, các tổ chức KH&CN công lập xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, tuyển dụng, luân chuyển phù hợp để nâng cao trình độ của cán bộ nghiên cứu KH&CN trong các tổ chức KH&CN trực thuộc.

2.2. Phát triển các tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan rà soát phương án phát triển các tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 để bổ sung quy hoạch tỉnh Quảng Trị; hỗ trợ các doanh nghiệp thành lập các tổ chức KH&CN, các phòng thí nghiệm trực thuộc doanh nghiệp KH&CN, phát triển nguồn nhân lực KH&CN&ĐMST.

- Các Sở, ban ngành liên quan chủ động xây dựng phương án thành lập Trung tâm Kiểm định, kiểm nghiệm tỉnh Quảng Trị trên cơ sở các Trung tâm có chức năng kiểm định kiểm nghiệm hiện có trực thuộc đơn vị mình quản lý.

2.3. Xây dựng kết cấu hạ tầng cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng, thu hút đầu tư cho khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ở các huyện đồng bằng.

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì xây dựng phương án thành lập Khu công nghệ thông tin tập trung đáp ứng nhu cầu chuyên đổi số của tỉnh.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị cho các tổ chức KH&CN công lập, các phòng thí nghiệm, thử nghiệm thuộc các ngành, trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2021-2030. Trong đó, đặc biệt là tiếp tục tham mưu bố trí vốn cho các dự án đầu tư xây dựng mở rộng khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao Đèo Sa Mù và thôn Hướng Phú, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa; khu công nghệ thông tin tập trung.

- Sở Khoa học và Công nghệ lập kế hoạch và triển khai dự án xây dựng, nâng cấp Sàn giao dịch công nghệ tỉnh Quảng Trị; lập kế hoạch xây dựng dữ liệu các chỉ tiêu thống kê KH&CN&ĐMST của tỉnh.

2.4. Vốn đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc xây dựng dự toán chi hằng năm cho KH&CN&ĐMST theo Luật NSNN, Luật KH&CN, đảm bảo đạt tỷ lệ chi ngân sách đã nêu ở phần thứ hai của Đề án này.

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng Kế hoạch tuyên truyền, hỗ trợ, khuyến khích thành lập Quỹ phát triển KH&CN&ĐMST trong các doanh nghiệp.

- Các sở, ngành, UBND các huyện chủ động nắm bắt thông tin, liên kết với các chương trình KH&CN&ĐMST cấp quốc gia, cấp Bộ, các chương trình dự án KH&CN của các tổ chức quốc tế, trên cơ sở đó hỗ trợ tích cực để các tổ chức, doanh nghiệp trong tỉnh tham gia các chương trình, dự án về KH&CN&ĐMST của Trung ương, của các tổ chức quốc tế. Tiếp tục thực hiện cơ chế hỗ trợ kinh phí xây dựng các đề xuất nhằm nâng cao chất lượng của các đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp Bộ được triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

2.5. Hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng Danh mục dự án Nghị định thư với nước bạn Lào và tăng cường hợp tác nghiên cứu chuyển giao KH&CN với các tổ chức khoa học quốc tế khác.

- Sở Ngoại vụ chủ trì tham mưu về công tác đối ngoại, kết hợp xúc tiến hợp tác quốc tế về KH&CN trong các chuyến làm việc của Đoàn công tác tỉnh Quảng Trị tại nước ngoài. Vận động người Quảng Trị ở nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực khoa học và chuyển giao công nghệ cho tỉnh Quảng Trị.

3. Về đẩy mạnh hoạt động ứng dụng KH, CN&ĐMST

3.1. Về tổ chức triển khai các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm, giai đoạn 2021-2030

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở ban ngành, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện các Chương trình, dự án/đề án KH&CN trọng điểm tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2021-2030.

- Các sở, ban ngành cấp tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố xây dựng các Chương trình KH&CN trọng điểm của ngành, địa phương giai đoạn 2021-2030 và tổ chức triển khai thực hiện.

3.2. Về sản phẩm mới, sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm của thành tựu của “trí tuệ nhân tạo”

- Sở Công thương chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở NN&PTNT và các sở, ngành địa phương xác định, trình UBND tỉnh ban hành danh mục các sản phẩm mới, sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm ứng dụng của thành tựu của “trí tuệ nhân tạo” cần khuyến khích đầu tư vào địa bàn tỉnh đến năm 2030.

- Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng chính sách khuyến khích đặc biệt đối với các dự án đầu tư tạo sản phẩm mới, sản phẩm công nghệ cao theo danh mục đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Sở Nông nghiệp và PTNT chủ động xây dựng Kế hoạch và đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ nhân rộng các vùng sản xuất nông nghiệp theo quy trình VietGAP, GlobalGAP, nông nghiệp hữu cơ Organic theo quy định; chứng nhận công nhận vùng sản xuất nông nghiệp sạch ứng dụng công nghệ cao theo Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg, ngày 25/12/2015; công nhận các doanh nghiệp Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định.

3.3. Về đổi mới công nghệ sản xuất sản phẩm hàng hóa truyền thống

Sở Công thương chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở NN&PTNT và các sở, ngành địa phương tổ chức đánh giá, xác định các sản phẩm cần khuyến khích, hỗ trợ đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đến năm 2030, xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ đổi

với các sản phẩm chủ lực trong danh mục được xác định ưu tiên.

3.4. Về xây dựng và phát triển tài sản sở hữu trí tuệ

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ngành địa phương xác định danh mục sản phẩm cần khuyến khích xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể đến năm 2030.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức quản lý và khai thác và phát triển tốt các sản phẩm đã được bảo hộ về chỉ dẫn địa lý, được cấp nhãn hiệu tập thể, chứng nhận sản phẩm OCOP trên địa bàn của mình.

3.5. Về áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì cùng các sở, ngành rà soát lập danh mục các sản phẩm cần được áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa đến năm 2030.

3.6. Về áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

Sở Khoa học và Công nghệ lập kế hoạch hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan hành chính nhà nước các cấp duy trì áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 đến năm 2030.

B. PHÂN CÔNG TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối tổng hợp, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện đề án này; định kỳ vào ngày 25/12 hàng năm phải báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện Đề án.

2. Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình:

+ Xây dựng kế hoạch cụ thể của ngành, địa phương mình để triển khai thực hiện các nội dung được giao trong Đề án, định kỳ vào ngày 15/12 hàng năm báo cáo tình hình thực hiện Đề án về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

+ Phối hợp với các cơ quan chủ trì để triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Đề án này theo các nội dung liên quan đến đơn vị mình.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện Đề án này, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung thì các đơn vị chủ động phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Phụ lục : DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CẤP QUỐC GIA, CẤP TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2030

1. Chương trình

TT	Danh mục	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Chia theo 2 giai đoạn	
						2022-2025	2026-2030
1	Chương trình Nâng cao tiềm lực về KHCN của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, doanh nghiệp và địa phương trong tỉnh	2022-2030	50.000	20.000	30.000
2	Chương trình đổi mới và ứng dụng công nghệ “ tự động hóa, trí tuệ nhân tạo ” trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp	Sở Công thương	Sở KHCN, Sở NN&PTNT	2026-2030	20.000		20.000
3	Chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa chủ lực của tỉnh giai đoạn 2021-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương, Sở NN&PTNT, các doanh nghiệp và địa phương trong tỉnh	2022-2030	10.000	4.000	6.000
4	Chương trình Ứng dụng các thành tựu KHCN trong Y - Dược phục vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng	Sở Y tế Quảng Trị	Bệnh viện Đa Khoa tỉnh và các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Y tế	2022-2030	6.000	2.500	3.500
5	Chương trình Ứng dụng các thành tựu KHCN đề ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở ban ngành liên quan và các địa phương trong tỉnh	2022-2030	3.500	1.500	2.000
6	Chương trình Khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển nguồn nhân lực KH&CN chất lượng cao cho một số ngành, lĩnh vực mũi nhọn của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Liên Đoàn Lao động tỉnh, các sở ngành liên quan	2022-2030	3.500	1.500	2.500
7	Chương trình Đầu tư phát triển	Sở Khoa học	Sở công thương Sở Thông	2026-2030	12.000		12.000

TT	Danh mục	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Chia theo 2 giai đoạn	
						2022-2025	2026-2030
	hạ tầng kỹ thuật phục vụ chuyển đổi số trong các doanh nghiệp của tỉnh Quảng Trị	và Công nghệ	tin & Truyền thông, VNPT và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh				
Tổng cộng 1:					105.500	29.500	76.000

2. Dự án/đề án khoa học công nghệ

TT	Danh mục	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Chia theo 2 giai đoạn	
						2022-2025	2026-2030
1	Dự án phát triển Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và Thông tin KHCN tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng và Thông tin KHCN tỉnh	2022-2025	10.000	10.000	
2	Dự án đầu tư, nâng cao năng lực kiểm định, thử nghiệm chất lượng sản phẩm hàng hóa cho Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường, Chất lượng tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh	2022-2025	45.000	45.000	
3	Dự án xây dựng Trung tâm ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ		2022-2030	6.500	3.000	3.500
4	Đề án nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ Quảng Trị giai đoạn 2021 – 2025	Sở Công thương	Sở KH&CN, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường, Chất lượng tỉnh	2022-2025	3.500	3.500	
5	Đề án phát triển thị trường Khoa học công nghệ đến năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở thông tin và Truyền thông	2022-2030	3.500	1.500	2.000
6	Dự án đánh giá trình độ ứng dụng khoa học công nghệ của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Thông tin KH&CN tỉnh, Cục Thông kê tỉnh	2026-2030	2.500		2.500

TT	Danh mục	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Chia theo 2 giai đoạn	
						2022-2025	2026-2030
7	Đề án Xây dựng Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Trị	Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và thông tin KH&CN tỉnh	2026-2030	6.500		6.500
8	Dự án đầu tư trang thiết bị y tế phục vụ kiểm soát bệnh tật nguy hiểm	Sở Y tế Quảng Trị	Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Y tế và các địa phương trong tỉnh	2022-2030	12.000	5.000	7.000
9	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm cơ sở dữ liệu điện tử tỉnh Quảng Trị	Sở thông tin và Truyền thông	Văn Phòng UBND tỉnh, Sở KH&CN và chính quyền các địa phương trong tỉnh	2026-2030	8.500		8.5000
10	Dự án xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị	Văn Phòng UBND tỉnh, Trung tâm Tin học tỉnh	Các sở ban ngành các cấp và chính quyền các địa phương trong tỉnh	2022-2025	8.000	8.000	
11	Đề án thành lập Khu Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Quảng Trị	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở KH&CN, Sở Công thương, các địa phương trong tỉnh	2026-2030	14.000		14.000
12	Dự án xác lập chỉ dẫn địa lý đối với một số sản phẩm chủ lực của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành và địa phương trong tỉnh	2022-2025	2.500	2.500	
13	Dự án truyền thông về khoa học công nghệ, tập trung lĩnh vực sở hữu trí tuệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Thông tin&Truyền thông; Đài Truyền hình, Báo Quảng Trị, các doanh nghiệp, địa phương trong tỉnh	2022-2030	2.500	1.000	1.500
14	Đề án Nghiên cứu luận cứ khoa học phục vụ xây dựng “đô thị thông minh”, “Làng thông minh” trên địa bàn tỉnh	Sở Xây dựng Quảng Trị	Sở Thông tin & Truyền thông; các thành phố, thị xã của tỉnh	2026-2030	1.800		1.800
Tổng cộng 2:					226.500	79.500	47.300

